TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15-4-2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Yâo Bkrông, bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 310/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST – HNGĐ ngày 30/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn S, xã C, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 26/11/2025, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Ngọc H trình bày:*

Ông H và bà Mai Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2017 tại UBND xã Cư Yang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Thường xuyên xảy ra cãi vã do

mâu thuẫn về kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được nên đã sống ly thân từ tháng 3/2025 cho đến nay. Nay tình cảm vợ không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn bà Mai Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và bà H có 03 con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày 12/8/2017; Lê Thị Minh C, sinh ngày 12/10/2020 và Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 10/11/2022. Sau khi ly hôn, ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung nên ông H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Minh T, sinh ngày 12/8/2017 và Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 10/11/2022 và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Lê Thị Minh C, sinh ngày 12/10/2020 ông H đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 14/01/2026 bị đơn bà Mai Thị H trình bày:***

Ông H và bà Mai Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2017 tại UBND xã Cư Yang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã và xô xát. Đã được 02 bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được nên đã sống ly thân từ tháng 3/2025 cho đến nay. Nay tình cảm vợ không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn, bà Mai Thị H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và bà H có 03 con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày 12/8/2017; Lê Thị Minh C, sinh ngày 12/10/2020 và Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 10/11/2022. Sau khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng, bà H và ông H của vay của bố mẹ bà H là ông Mai Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Oanh số tiền 140.000.000 đồng vào ngày 05/3/2020. Có 01 tải sản chung là 01 xe ô tô tải khi mua với giá 430.000.000 đồng. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết trả số nợ 140.000.000 đồng cho ông Sơn và bà Oanh. Đồng thời yêu cầu chia ½ tài sản chung là xe ô tô tải trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng bà Mai Thị H vắng mặt tại các phiên hòa giải nên không thế hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân Khu vực 7 – Đắk Lắk quyết định đưa vụ án ra xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70 và Điều 71 của BLTTDS 2015.

- Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều 70 và 72 của BLTTDS 2015.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 51, khoản 1 Điều 56 , Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lê Ngọc H được ly hôn bà Mai Thị H.

Về con chung: Giao con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày 12/8/2017 và Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 10/11/2022 cho ông Lê Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung Lê Thị Minh C, sinh ngày 12/10/2020 cho bà Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Ngọc H và bà Mai Thị H không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Mai Thị H và giải quyết về con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, đây là yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn hiện đang cư trú tại xã Cư Yang, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Ngọc H và bà Mai Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2017 tại UBND xã Cư Yang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Đã được 02 bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần động viên ông H về đoàn tụ cùng bà H nhưng không thành, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn bà Mai Thị H. Bà H cũng đồng ý ly hôn ông Lê Ngọc H do tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Lê Ngọc H và bà Mai Thị H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả ông H và bà H đều đồng ý ly hôn. Tuy nhiên bà H không tham gia phiên hòa giải nên không thể tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử cho ông Lê Ngọc H được ly hôn bà Mai Thị H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và bà H có 03 con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày 12/8/2017; Lê Thị Minh C, sinh ngày 12/10/2020 và Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 10/11/2022. Sau ly hôn, ông H và bà H đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Xét thấy, việc giao con chung cho ông H hoặc bà H trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên nhằm đảm bảo về vật chất và tinh thần, cũng như sự phát triển toàn diện cho con chung như: có nơi ở ổn định, có nghề nghiệp và thu thập ổn định để đảm bảo vật chất cho con cũng như thời gian chăm sóc con, giáo dục con để đảm bảo về tinh thần cho con.

Ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Minh T, sinh ngày 12/8/2017 và Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 10/11/2022. Cháu Tú cũng có văn bản trình bày có nguyện vọng được ở với ông H. Bà H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nên cần chấp nhận giao con chung Lê Thị Minh C, sinh ngày 12/10/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như đảm bảo về vật chất và tinh thần, cũng như sự phát triển toàn diện của con chưa thành niên. HĐXX, căn cứ vào khoản 2 khoản 3 Điều 81 của LHNGĐ, cần giao con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày 12/8/2017 và Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 10/11/2022 cho ông Lê Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục và giao con

chung Lê Thị Minh C, sinh ngày 12/10/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Ngọc H và bà Mai Thị H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Toà án không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết. Mặc dù, tại bản tự khai ngày 14/01/2026. Bà H có trình bày bà H và ông H của vay của bố mẹ bà H là ông Mai Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Oanh số tiền 140.000.000 đồng vào ngày 05/3/2020. Có 01 tải sản chung là 01 xe ô tô tải khi mua với giá 430.000.000 đồng. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết trả số nợ 140.000.000 đồng cho ông Sơn và bà Oanh. Đồng thời yêu cầu chia ½ tài sản chung là xe ô tô tải trên. Tuy nhiên bà H không làm đơn yêu cầu về chia tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không có căn cứ để giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết vụ án về chia tài sản chung và nợ chung giữa bà H và ông H khi bà H có đơn yêu cầu.

[6] Về án phí: Ông Lê Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 147, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lê Ngọc H được ly hôn bà bà Mai Thị H.

- Về con chung: Giao con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày 12/8/2017 và Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 10/11/2022 cho ông Lê Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung Lê Thị Minh C, sinh ngày 12/10/2020 cho bà Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền

thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Ngọc H và bà Mai Thị H không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Ngọc H và bà Mai Thị H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Ngọc H phải chịu 300.000 tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do ông Nguyễn Văn Cảnh nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005385 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- UBND xã Cư Yang, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Cường Anh